

Số: 29 /2019/QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày 26 tháng 12 năm 2019



**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển**  
**trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu năm 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển;*

*Thực hiện Công văn số 207/HĐND-KTNS ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc có ý kiến về quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu năm 2020;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 739/TTr-STC ngày 16 tháng 12 năm 2019.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với tổ chức, cá nhân được Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định của pháp luật.

Mức thu theo Quyết định này được áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức, cá nhân được Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### **Điều 3. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển**

1. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu năm 2020 được quy định như sau:

a) Nhóm 1: Sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng gió, sóng, thủy triều, dòng hải lưu: 3.000.000 đồng/ha/năm;

b) Nhóm 2: Sử dụng khu vực biển để xây dựng hệ thống ống dẫn ngầm, lắp đặt cáp viễn thông, cáp điện: 4.000.000 đồng/ha/năm;

c) Nhóm 3: Sử dụng khu vực biển để xây dựng các công trình nổi, ngầm, đảo nhân tạo, công trình xây dựng dân dụng trên biển, các hoạt động lấn biển: 5.000.000 đồng/ha/năm;

d) Nhóm 4: Sử dụng khu vực biển để làm vùng nước cảng biển, cảng nổi, cảng dầu khí và các cảng, bến khác (gồm: vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch; vùng để xây dựng luồng cảng biển và các công trình phụ trợ khác), vùng nước phục vụ hoạt động cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu biển, xây dựng cảng cá, bến cá; vùng nước phục vụ hoạt động vui chơi, giải trí, đón trả khách, khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch; thăm dò, khai thác khoáng sản, khai thác nước biển làm mát cho các nhà máy; trục vớt hiện vật, khảo cổ: 6.000.000 đồng/ha/năm;

đ) Nhóm 5: Sử dụng khu vực biển để đổ thải bùn nạo vét: 7.500.000 đồng/ha/năm;

e) Nhóm 6: Các hoạt động sử dụng khu vực biển khác: 3.000.000 đồng/ha/năm.

2. Trường hợp trên cùng một không gian biển có nhiều tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển vào các hoạt động khác nhau theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì việc thu tiền sử dụng khu vực biển được thực hiện đối với từng tổ chức, cá nhân tương ứng với từng loại hoạt động sử dụng khu vực biển.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển sử dụng vào các hoạt động khác nhau theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì việc thu tiền sử dụng khu vực biển được thực hiện tương ứng với từng loại hoạt động sử dụng khu vực biển.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giám đốc Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành có liên quan báo cáo, đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

### **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2020.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bạc Liêu; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận**

- Như Điều 5;
- Bộ Tài chính (vụ pháp chế);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - BTP (để kiểm tra);
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội (để giám sát);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh  
(để chuyển cho các vị Đại biểu HĐND tỉnh);
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Các Phó VP UBND tỉnh;
- TP: KT, TH; PP Tài;
- Lưu: VT, CH (QĐ 12).đ

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Dương Thành Trung**